

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện thu – chi ngân sách nhà nước 6 tháng đầu và giải pháp thực hiện thu – chi ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm 2022

Thực hiện các Nghị quyết của HĐND huyện khóa XII tại kỳ họp thứ 3 về phát triển kinh tế xã hội năm 2022. Ủy ban nhân dân huyện báo cáo tình hình thực hiện 6 tháng đầu năm và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2022 trước kỳ họp thứ năm, HĐND huyện khóa XII như sau:

I/ Tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2022:

1/ Thu ngân sách:

- Năm 2022, Tỉnh giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn huyện là 40.310 triệu đồng; dự toán được HĐND huyện thông qua là 44.345 triệu đồng (tăng thu 4.035 triệu đồng so với dự toán tỉnh giao gồm: Thu tiền sử dụng đất là 3.500 triệu đồng, Thu thuế và phạt các loại là 535 triệu đồng)

- Tổng Thu NSNN trên địa bàn huyện đến hết 6 tháng đầu năm 2022 đạt 21.568 triệu đồng, đạt 48,6% dự toán HĐND huyện giao (21.568 trđ/44.345 trđ) và đạt 53,5% dự toán Tỉnh giao (21.568 trđ/40.310 trđ) và vượt 5,2% so với cùng kỳ năm 2021 (21.568 trđ/ 20.493 trđ)

a/ Các khoản thu do ngành quản lý thu: Thực hiện là 18.946 triệu đồng, đạt 48,95% dự toán HĐND Huyện giao (18.946 trđ/38.700 trđ) và đạt 53,97 % dự toán Tỉnh giao (18.946 trđ/35.100 trđ) và vượt 6,6% so với cùng kỳ năm 2021 (18.946 trđ/17.770 trđ)

b/ Các khoản thu biện pháp tài chính: Thực hiện là 2.622 triệu đồng, đạt 47,1% dự toán HĐND huyện giao (2.622 trđ/5.645 trđ) và đạt 50,3% dự toán tỉnh giao (2.622 trđ/5.210 trđ) và vượt 5,3% so với cùng kỳ năm 2021 (2.622 trđ/2.489 trđ)

c/ Tình hình thực hiện dự toán thu ngân sách của các xã, thị trấn:

Ước thực hiện thu cân đối điều tiết ngân sách nhà nước trên địa bàn xã, thị trấn (*không kể thu trợ cấp, kết dư, chuyển nguồn, tạm ứng, thu quản lý qua ngân sách*) so với dự toán Huyện giao là 4.758 triệu đồng đạt 50% (4.758 trđ/9.539 trđ).

- Tổng thu NSNN trên địa bàn 14 xã, thị trấn 6 tháng đầu năm 2022 (*không kể thu trợ cấp, kết dư, chuyển nguồn*) là : 10.391 triệu đồng/21.305 triệu đồng đạt 49% KH huyện giao. Cụ thể các xã, thị trấn đạt như sau: Chư ngọc (44%), Chư Căm (36%) Chư gu (42%), Iadreh (52%), Đất bằng (40%), Chu Đrăng (49%), Iar Surom (58%), MLáh (90%), Uar (92%), Phú cần (42%), Iarsai(103%), Iar Mok (48%), Phú túc (48%), Krông năng (28%). Có 9 xã, thị trấn thu chưa đạt trên 50% kế hoạch huyện giao.

2.Về chi ngân sách

Thực hiện 6 tháng đầu năm 2022 là 197.105 triệu đồng đạt 42,1% (197.105 trđ/467.977 trđ) kế hoạch tỉnh giao và đạt 42% (197.105 trđ/471.542 trđ) Nghị quyết

HĐND huyện, và vượt 11% so với cùng kỳ năm 2021 (197.105 trđ/177.553 trđ). Cơ bản đảm bảo chi lương và các khoản phụ cấp và các chế độ an sinh xã hội trong dịp tết Nguyên Đán Nhâm dần, đảm bảo kinh phí phòng chống dịch và các nhiệm vụ phát sinh trên địa bàn huyện. cụ thể:

| | |
|---|------------|
| - Chi đầu tư phát triển: 21.169 trđ/52.176 trđ | Đạt 40,6% |
| (chưa bao gồm vốn ĐTXD thanh toán NST, NSTW) | |
| - Chi thường xuyên: 175.936 trđ/419.366 trđ | Đạt 41,95% |
| + Chi sự nghiệp giáo dục – dạy nghề: 97.767 trđ | Đạt 44% |
| + Chi sự nghiệp Quốc phòng: 4.292 trđ | Đạt 90% |
| + Chi sự nghiệp ANTT: 2.395 trđ | Đạt 79% |
| + Chi sự nghiệp VHTT: 1.890 trđ | Đạt 41% |
| + Chi sự nghiệp Thể dục -Thể thao: 645 trđ | Đạt 55% |
| + Chi sự nghiệp PTTH: 142 trđ | Đạt 14% |
| + Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: 80 trđ | Đạt 3,6% |
| + Chi sự nghiệp kinh tế: 3.547 trđ | Đạt 13,3% |
| + Chi sự nghiệp KHCN: 0 trđ | Đạt 0% |
| + Chi quản lý NN, Đảng, đoàn thể: 47.289 trđ | Đạt 49% |
| + Chi đảm bảo xã hội: 11.447trđ | Đạt 32% |
| + Chi khác: 1.859 trđ | Đạt 18% |
| + Chi tạm ứng: 4.148 trđ | |

3/ Đánh giá chung:

3.1. Về thu ngân sách:

Trong 6 tháng đầu năm 2022, do ảnh hưởng của Dịch Covid – 19 nên hầu hết các hộ kinh doanh trên địa bàn xin tạm dừng kinh doanh, bên cạnh đó là sự biến động của giá các mặt hàng nông sản như: Giá sắn tươi, giá dưa hấu thấp hơn so với năm 2021, đã ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân. Các mặt hàng thiết yếu như xăng, dầu, lương thực, thực phẩm liên tục tăng giá đã ảnh hưởng trực tiếp đến sức mua của nhân dân. Một số chính sách miễn giảm thuế của năm 2021 có ảnh hưởng đến số thu của năm 2022 như: Nghị định số 52/2021/NĐ-CP gia hạn nộp thuế, Nghị quyết số 1148/NQ-UBTVQH14, giảm thuế Bảo vệ môi trường, Nghị quyết số 68/NĐ-CP hỗ trợ người lao động, hộ KD, Nghị định 92/2021/NĐ-CP, hỗ trợ doanh nghiệp, người dân gặp khó khăn do dịch Covid-19; Nghị quyết 406/NQ-UBTVQH15...Nguyên nhân cụ thể của một số khoản thu đạt thấp như sau:

+ Thuế Giá trị gia tăng: Đạt 20% so với dự toán giao, nguyên nhân là do số miễn giảm thuế của các hộ kinh doanh, doanh nghiệp trong quý III, IV/2021 theo Nghị định 92/2021/NĐ – CP được trừ vào quý I,II/2022 là 852 triệu đồng, nợ thuế của công ty TNHH Tín nhiệm tính đến tháng 6/2022 là: 5.000 triệu đồng. Số hộ kinh doanh, Doanh nghiệp trong quý I,II/2022 tạm dừng kinh doanh nhiều. Các hộ xây

dựng nhà tư nhân thuộc đối tượng phải cấp phép xây dựng và thu thuế xây dựng phát sinh ít, Các công trình xây dựng trên địa bàn huyện giải ngân thấp, các công trình mục tiêu quốc gia giao cho xã làm chủ đầu tư chưa được giao vốn, làm ảnh hưởng trực tiếp đến số thu ngân sách.

+ Thu tiền cấp quyền sử dụng đất: Đạt 39,9% so với dự toán HĐND giao, nguyên nhân trong 6 tháng đầu năm, chưa tổ bán đấu giá quyền sử dụng đất tại một số lô lẻ trên địa bàn thị trấn và xã ChurrCăm (*do UBND tỉnh chưa phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2022 trên địa bàn huyện để làm cơ sở trình Sở Tài chính thẩm định giá đất cụ thể, làm cơ sở tổ chức đấu giá*).

+ Thu lệ phí trước bạ : **Đạt 235,3%** so với dự toán HĐND giao, nguyên nhân trong 3 ngày cuối tháng 6/2022 Cục thuế tỉnh đã điều tiết số thu lệ phí trước bạ từ các hộ dân, tổ chức và Doanh nghiệp trên địa bàn huyện có hộ khẩu, địa chỉ tại địa bàn huyện Krông Pa nhưng nộp thuế trước bạ xe ô tô, mô tô trên các Chi cục thuế Pleiku, Đắc Đoa về cho huyện nên số tăng đột biến trong 3 ngày cuối tháng 6 là: 4.190 triệu đồng, đã tăng tổng thu ngân sách của huyện từ số ước 17.342 triệu đồng tăng lên đạt 21.568 triệu đồng.

3.2. Về chi ngân sách:

Nhìn chung công tác quản lý, điều hành chi tiêu ngân sách thực hiện đúng quy định. Trên cơ sở dự toán UBND tỉnh giao, căn cứ vào các nhiệm vụ chi năm 2022. UBND huyện đã kịp thời phân bổ dự toán và tổ chức quản lý, điều hành chi đúng dự toán, tiết kiệm và hiệu quả, đảm bảo các nhu cầu chi về đầu tư phát triển, thực hiện cải cách tiền lương, các khoản phụ cấp, chế độ chính sách của nhà nước và các khoản chi đột xuất như hỗ trợ khắc phục thiên tai, bảo đảm an ninh quốc phòng. Tập trung cho công tác phòng chống dịch, công tác đảm bảo ASXH trong dịp tết, tiền lương và các khoản đóng góp cho cán bộ, công chức, viên chức , người lao động.

Các nguồn sự nghiệp đã phê duyệt dự toán và tổ chức triển khai thực hiện, cơ bản đảm bảo đúng kế hoạch được phê duyệt. Riêng một số nguồn vốn sự nghiệp như sự nghiệp môi trường, sự nghiệp giao thông, sự nghiệp nông nghiệp có một số hạng mục phải điều chỉnh sang đầu tư công để thực hiện theo đúng Thông tư 65/2021/TT-BTC. Tổng kinh phí điều chỉnh từ chi thường xuyên sang chi đầu tư là : 6.615 triệu đồng, đến nay đã hoàn thành việc lập báo cáo kinh tế kỹ thuật đang tiến hành giao mặt bằng cho các đơn vị thi công.

Nguồn kinh phí tỉnh hỗ trợ để thực hiện chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông về kênh mương nông thôn là: 5.640 triệu đồng, huyện đã phân bổ cho 7 xã, thị trấn để triển khai: Thị trấn Phú Túc, Xã ChurrCăm, Xã Iar Suom, Xã ChuDrăng, Xã IarMok, Xã IaDréh, Xã Chu Ngọc. Thực hiện đến 30/6 đạt 70% khối lượng và giải ngân đạt 30%.

Các nguồn bổ sung mục tiêu khác trong 6 tháng đầu năm cũng được huyện phân bổ kịp thời cho các đơn vị liên quan, đặc biệt là kinh phí hỗ trợ di dân cho buôn H'Lang của xã ChurrCăm: 2.040 triệu đồng phân bổ cho xã, hiện nay xã đã tổ chức xong công tác họp dân và tiến hành phân lô bốc thăm để di dời nhà về khu vực định cư mới.

II. Nhiệm vụ , giải pháp thực hiện 6 tháng cuối năm 2022

1. Về thu ngân sách:

Để đạt và vượt kế hoạch thu ngân sách nhà nước được giao trong năm 2022, UBND huyện chỉ đạo Phòng Tài chính – KH và Chi cục thuế định kỳ tổ chức giao ban quý với 14 xã, thị trấn, đồng thời tham mưu UBND huyện triển khai các nhiệm vụ sau:

+ Đẩy mạnh công tác thu các khoản thuế, lệ phí theo kế hoạch giao đầu năm, đồng thời rà soát các nguồn thu mới phát sinh trên địa bàn. Đặc biệt các nguồn thu từ xây dựng nhà tư nhân và xây dựng các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện.

+ Đôn đốc các khoản phải thu theo kết quả thanh tra và các khoản thu hồi sau quyết toán công trình;

+ Ủy ban nhân dân cấp xã thường kiểm tra đánh giá kết quả thu ngân sách trên địa bàn, đặc biệt là các khoản thu ngân sách do UBND cấp xã trực tiếp như: Thu phí, lệ phí, Thu phạt lâm luật, thu phạt an toàn giao thông và các khoản thu khác.

+ UBND cấp xã Phối hợp với các đội thuế, tổ thuế đóng chân trên địa bàn trong công tác xác định đối tượng nộp thuế, các nguồn thu mới phát sinh trên địa bàn. Đặc biệt UBND xã chỉ đạo cán bộ địa chính rà soát công tác mua bán quyền sử dụng đất và chuyển đổi mục đích đất trên địa bàn để đảm bảo thu tiền chuyển quyền sử dụng đất, thuế thu nhập cá nhân và lệ phí trước bạ

* **Đối với các đơn vị được giao thu:** Phải rà soát lại toàn bộ các nhiệm vụ thu trong lĩnh vực ngành, tham mưu cho UBND huyện ra quyết định xử phạt trong các lĩnh vực vi phạm như: Xây dựng, môi trường, thanh tra, bán tài sản tịch thu, thanh lý,....

+ Phòng Tài nguyên - Môi trường khẩn trương hoàn thiện công tác đấu giá đất năm 2022. Phối hợp cùng với Phòng Tài chính – KH tham mưu cho UBND huyện trình Sở Tài chính giá đất cụ thể để trình UBND tỉnh phê duyệt giá khởi điểm làm cơ sở đấu giá vào cuối quý III năm 2022.

+ Chi cục thuế huyện: Tham mưu cho UBND huyện thu tiền thuế tài nguyên đối với các công trình có sử dụng đất san lấp, đắp nền trên địa bàn huyện. Các mỏ đất, mỏ cát đã được UBND tỉnh phê duyệt kết quả trúng đấu giá năm 2021, 2022. Rà soát các các đơn vị sự nghiệp có chức năng tổ chức thu phí, tổ chức các hoạt động kinh doanh như: Trạm nước sinh hoạt, Đội công trình Giao thông & DVĐT, Nhà khách huyện, Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp , Trung tâm VHTT.

2. Về chi ngân sách:

- Triển khai giải ngân nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản được phân cấp;

- Triển khai kịp thời các nguồn vốn chương trình mục tiêu được tỉnh phân bổ

- Triển khai thực hiện các chính sách an sinh xã hội, chính sách tiền lương tăng thêm, chế độ học phí, chế độ thu hút của cán bộ công chức, viên chức công tác tại các vùng kinh tế đặc biệt khó khăn;

- Triển khai giải ngân các nguồn vốn sự nghiệp, đặc biệt là nguồn vốn sự nghiệp kinh tế, sự nghiệp môi trường, nguồn vốn khoa học công nghệ.

- Cân đối kinh phí hỗ trợ cho xã Chu Gu đảm bảo nguồn lực hoàn thành và đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2022.

- Cân đối ngân sách đảm bảo cho công tác phòng chống dịch tả lợn châu phi, dịch viêm da nổi cục ở trâu bò, dịch sốt xuất huyết, đặc biệt là Đại dịch covid - 19.

- Xây dựng dự toán ngân sách năm 2023 và kế hoạch 2023- 2025.

Trên đây là báo cáo đánh giá tình hình dự toán NSNN 6 tháng đầu năm 2022 và giải pháp thực hiện 6 tháng cuối 2022, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo HĐND huyện khóa XII, tại kỳ họp thứ 5 được biết để giám sát, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- TT Hội đồng nhân dân huyện khóa XII;
- 2 Ban giám sát HĐND huyện khóa XII;
- Đại biểu HĐND huyện khóa XII;
- Lưu VT – UBND huyện;

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Ksor Tin

TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

THỰC HIỆN ĐẾN HẾT THÁNG 6 NĂM 2022

Đvt: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu thu | Năm 2022 | | UTH đến 30/06/22 | Thực hiện đến 30/6/2022 | So Sánh | |
|-----|---|------------------------|------------------------------|------------------|-------------------------|-----------------------|------------------------|
| | | Dự toán tỉnh giao 2022 | Dự toán HĐND huyện phê chuẩn | | | UTH/DT Tỉnh giao 2022 | UTH/NQ HĐND Huyện 2022 |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=4/1 | 5=4/2 |
| | Tổng thu NS trên địa bàn (A+B) | 40.310 | 44.345 | 17.342 | 21.568 | 53,5% | 48,6% |
| | Thu NS TW hưởng | 3.130 | 3.250 | 1.720 | 1.955 | 62,5% | 60,2% |
| | Thu NS tỉnh hưởng theo phân cấp | 1.560 | 1.910 | 718 | 705 | 45,2% | 36,9% |
| | Thu NS hưởng theo phân cấp | 35.620 | 39.185 | 14.748 | 18.830 | 52,9% | 48,1% |
| | Thu cân đối chi thường xuyên ngân sách | 26.620 | 27.035 | 9.798 | 13.983 | 52,5% | 51,7% |
| A | THU CÂN ĐỒI NSNN (I+II) | 40.310 | 44.345 | 17.342 | 21.568 | 53,5% | 48,6% |
| I | Thu từ sản xuất kinh doanh trong nước | 40.310 | 44.345 | 17.342 | 21.568 | 53,5% | 48,6% |
| 1 | Thu từ DNDD do TW quản lý | | | 260 | 309 | | |
| 2 | Thu từ DNDD do địa phương quản lý | 400 | 400 | 93 | 89 | 22,1% | 22,1% |
| 3 | Thu từ khu vực CTN, dịch vụ NQD | 16.100 | 16.100 | 3.500 | 3.462 | 21,5% | 21,5% |
| | - Thuế giá trị gia tăng | 14.950 | 14.950 | 3.000 | 2.940 | 19,7% | 19,7% |
| | - Thuế thu nhập doanh nghiệp | 450 | 450 | 230 | 223 | 49,6% | 49,6% |
| | - Thuế TTĐB hàng nội địa | 50 | 50 | 10 | 16 | 31,0% | 31,0% |
| | - Thuế tài nguyên | 650 | 650 | 260 | 283 | 43,5% | 43,5% |
| 4 | Thuế nhà đất/Thuế sd đất phi NN | 30 | 30 | 20 | 29 | 97,1% | 97,1% |
| 5 | Tiền sử dụng đất và đấu giá QSDĐ | 10.000 | 13.500 | 5.500 | 5.386 | 53,9% | 39,9% |
| 6 | Lệ phí trước bạ | 2.700 | 2.800 | 2.400 | 6.590 | 244,1% | 235,3% |
| 7 | Thu phí và lệ phí | 2.200 | 2.200 | 1.345 | 1.397 | 63,5% | 63,5% |
| | + Phí và lệ phí Trung ương | 700 | 700 | 270 | 243 | 34,7% | 34,7% |
| | + Phí và lệ phí huyện, xã | 1.500 | 1.500 | 1.000 | 1.077 | 71,8% | 71,8% |
| | Trong đó: Phí BVMT khai thác khoáng sản | 160 | 160 | 75 | 77 | 48,4% | 48,4% |
| 8 | Thuế thu nhập cá nhân | 3.400 | 3.400 | 1.600 | 1.442 | 42,4% | 42,4% |
| 9 | Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước | 20 | 20 | 84 | 104 | 518,5% | 518,5% |
| 10 | Thu vi phạm hành chính do cơ quan thuế | 250 | 250 | 90 | 98 | 39,2% | 39,2% |
| 11 | Thu khác và phạt các loại | 5.210 | 5.565 | 2.400 | 2.622 | 50,3% | 47,1% |
| | - Phạt trật tự an toàn giao thông | 2.330 | 2.565 | 1.100 | 1.306 | 56,0% | 50,9% |
| | + Cấp huyện, thị xã, thành phố thu | 2.180 | 2.300 | 1.100 | 1.306 | 59,9% | 56,8% |
| | + Cấp xã thu | 150 | 265 | | | 0,0% | 0,0% |
| | - Thu khác ngân sách và phạt các loại | 2.880 | 3.000 | 1.300 | 1.316 | 45,7% | 43,9% |
| 12 | Thu tiền đất 5% | | | 80 | 50 | 0,0% | 50,0% |
| B | Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh | 432.357 | 432.357 | 185.056 | 270.009 | 62,5% | 62,5% |
| | - Bổ sung cân đối | 430.140 | 430.140 | 172.056 | 258.084 | 60,0% | 60,0% |
| | - Bổ sung có mục tiêu | 2.217 | 2.217 | 13.000 | 11.925 | 537,9% | 537,9% |
| C | Thu chuyển nguồn | | | 23.320 | 23.320 | | |
| D | Thu từ NS cấp dưới | | | 433 | 433 | | |
| | Tổng thu NSNN | 472.667 | 476.702 | 226.151 | 315.330 | 66,7% | 66,1% |